

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Lê Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 357/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Hoài T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thủy T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2022 quá trình tham gia tố tụng đến tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Hoài T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lý Hoài T và bà Nguyễn Thủy T1 chung sống với nhau từ năm 2001. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Không khí gia đình ngột ngạt, ông T không giải tỏa được áp lực. Ông T hiện tại không còn quan tâm, không còn tình cảm và không muốn chung sống cùng bà

T1. Hiện nay, ông T thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thủy T1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông T và bà T1 có 03 con chung tên Lý Hữu T2, sinh ngày 01/8/2002, Lý Hữu T3, sinh ngày 04/10/2005 và Lý Xuân T4, sinh ngày 30/5/2008. Khi ly hôn, ông T yêu cầu bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lý Hữu T3 và Lý Xuân T4. Đối với con chung Lý Hữu T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng đến tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thủy T1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thủy T1 thống nhất ý kiến với ông T về quá trình tìm hiểu nhau và kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông T và bà T1 có 03 con chung tên Lý Hữu T2, sinh ngày 01/8/2002, Lý Hữu T3, sinh ngày 04/10/2005 và Lý Xuân T4, sinh ngày 30/5/2008.

Quá trình chung sống giữa bà T1 và ông T không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Bà T1 vẫn chăm lo cho ông T đầy đủ. Do vẫn còn yêu thương chồng con nên bà T1 không đồng ý ly hôn. Bà T1 muốn gia đình có vợ, có chồng để con cái lớn lên lập gia đình có đầy đủ cha, mẹ. Giữa bà T1, ông T hoàn toàn không có mâu thuẫn gì nên bà T1 không đồng ý ly hôn.

Do không đồng ý ly hôn nên bà T1 không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn có mặt. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lý Hữu T3 và Lý Xuân T4. Bị đơn là bà Nguyễn Thủy T1 có nơi cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2001. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 65/2001 ngày 15/8/2001. Theo nguyên đơn xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn quản lý tài chính và thường xuyên quản lý việc đi lại của nguyên đơn khiến nguyên đơn thấy cuộc sống gia đình ngột ngạt, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn để nguyên đơn có cuộc sống tự do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định hiện nay giữa nguyên đơn, bị đơn vẫn còn chung sống. Trong cuộc sống hằng ngày, nguyên đơn vẫn ăn cơm do bị đơn nấu, quần áo của nguyên đơn do bị đơn giặt. Nội dung nguyên đơn thừa nhận nêu trên phù hợp với lời khai của bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng nên đây là những sự kiện không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/8/2022 tại ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương được trưởng ấp Đ cung cấp thông tin xác định được giữa nguyên đơn và bị đơn không có mâu thuẫn. Tại bản tự khai của các con chung là Lý Hữu T3 và Lý Xuân T4 xác định nguyên đơn và bị đơn vẫn chung sống hòa thuận, cùng ăn cơm với nhau nên cháu T3, cháu T4 không đồng ý việc nguyên đơn, bị đơn ly hôn.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc giữa nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, đối chiếu các chứng cứ nêu trên phù hợp với lời trình bày của bị đơn về việc giữa nguyên đơn và bị đơn không có mâu thuẫn đến mức trầm trọng phải ly hôn, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Lý Hữu T2, sinh ngày 01/8/2002, Lý Hữu T3, sinh ngày 04/10/2005 và Lý Xuân T4, sinh ngày 30/5/2008. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lý Hữu T3 và Lý Xuân T4. Đối với con chung Lý Hữu T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là không có cơ sở chấp nhận nên không giải quyết vấn đề về con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Lý Hoài T đối với bà Nguyễn Thủy T1.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lý Hoài T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010757 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2023)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nguyễn Minh Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Dung Đinh Quang Minh

Ngô Nguyễn Minh Sơn